

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU, XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI 627**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU, XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI 627

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 627 CONSTRUCTION AND TRADE IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107772898

**3. Ngày thành lập:** 23/03/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 627, đường Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                      | 1622     |
| 2.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.                                           | 4290     |
| 3.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                       | 4311     |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                        | 4321     |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                              | 4322     |
| 6.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                | 4610     |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, véc ni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh | 4663     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |
| 9.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4220        |
| 10. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2392        |
| 11. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2395        |
| 12. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2824        |
| 13. | Sản xuất máy chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2829        |
| 14. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4100(Chính) |
| 15. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4210        |
| 16. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4312        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4329        |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4330        |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà<br>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước,<br>+ Chống ẩm các toà nhà,<br>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;                                                                                                                                                                                                                       | 4390        |
| 20. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7310        |
| 21. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất (không bao gồm thiết kế công trình)                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7410        |
| 22. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7730        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức               | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN GIANG NAM | P35 H5, khu tập thể Nguyễn Công Trứ, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 400.000    | 4.000.000.000         | 40,000    | B3686578                                                                                    |         |
|     |                  |                                                                                                    | Tổng số           | 400.000    | 4.000.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                    |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐỖ THẾ KIÊN      | Tổ 11, Thị trấn Yên Bình, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam                                   | Cổ phần phổ thông | 300.000    | 3.000.000.000         | 30,000    | 060814634                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                    | Tổng số           | 300.000    | 3.000.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                    |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | HOÀNG QUYẾT CHÍ  | Tổ 13, Phường Đồng Tiến, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam                               | Cổ phần phổ thông | 300.000    | 3.000.000.000         | 30,000    | 113166000                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                    | Tổng số           | 300.000    | 3.000.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                    |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐỖ THẾ KIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/08/1988

Dân tộc: Tày

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 060814634

Ngày cấp: 17/04/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Yên Bái

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 11, Thị trấn Yên Bình, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 11, Thị trấn Yên Bình, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

